

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
II.	CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA.....	4
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	8
3.1	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	8
3.2	Triển vọng đầu tư trên thị trường trái phiếu	10
3.2.1	Tổng quan thị trường.....	10
3.2.2	Cơ hội đầu tư trên thị trường trái phiếu.....	14
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	17
4.1	Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	17
4.1.1	Thông tin cơ bản.....	17
4.1.2	Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty Quản lý Quỹ.....	18
4.1.3	Giới thiệu về Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty Quản lý Quỹ.....	19
4.1.4	Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ	20
4.2	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	21
4.2.1	Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.....	21
4.2.2	Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:.....	23
4.3	Quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý	24
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	25
VI.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	25
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	25
VIII.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	26
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	26
9.1	Thông tin chung về Quỹ	26
9.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	26
9.1.2	Giấy đăng ký phát hành	26
9.1.3	Giấy phép thành lập và hoạt động.....	26
9.1.4	Ban đại diện Quỹ:.....	27
9.1.5	Người điều hành Quỹ:	27
9.2	Mục tiêu, chiến lược và hạn chế đầu tư của Quỹ	28
9.2.1	Mục tiêu đầu tư:.....	28
9.2.2	Chiến lược đầu tư.....	28

9.2.3	<i>Hạn chế đầu tư</i>	29
9.3	Rủi ro khi đầu tư vào Quỹ:.....	30
9.4	Điều lệ Quỹ.....	31
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	31
10.1	Căn cứ pháp lý:	31
10.2.	Phương án phát hành lần đầu:	32
10.3.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo:.....	34
10.3.1.	<i>Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường</i> :.....	34
10.3.2.	<i>Chương trình đầu tư định kỳ (SIP)</i> :	36
10.3.3.	<i>Chuyển nhượng phi thương mại</i>	37
10.4.	Xác định và công bố giá trị tài sản ròng:	38
10.4.1.	<i>Xác định giá trị tài sản ròng</i> :.....	38
10.4.2.	<i>Công bố giá trị tài sản ròng</i> :	38
XI.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN , CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ THUẾ	38
11.1	Phân chia lợi nhuận	38
11.2	Chi phí hoạt động.....	39
11.2.1	<i>Phí quản lý Quỹ</i>	39
11.2.2	<i>Phí lưu ký, giám sát</i>	40
11.2.3	<i>Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan</i>	40
11.2.4	<i>Chi phí khác</i>	40
11.3	Thuế	40
XII.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	41
XIII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	41
XIV.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	41
14.1.	Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư.....	41
14.2.	Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.....	42
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC, GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO NHÀ ĐẦU TƯ	43
XV.	CAM KẾT	43
	CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÉM BẢN CÁO BẠCH	44

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO VIỆT

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)**
2. Số giấy phép:
3. Loại hình Quỹ: **Quỹ mở**
4. Ngày đăng ký với UBCKNN:
5. Thời hạn hiệu lực:
6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / / ”.

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin.

- Họ và tên: **Đậu Minh Lâm**
 - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
 - Địa chỉ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)**
Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-04) 3928 9589 Fax: (84-04) 3928 9590

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

- **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**
 - o Trụ sở chính: **Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
 - o Điện thoại: (84-04) 3928 9589 Fax: (84-04) 3928 9590
 - o Website: <http://www.baoviet.com.vn/fund>
- **Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này**

GPHĐQLQ ban hành ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/4/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) hoặc bất kỳ công ty quản lý quỹ nào khác được lựa chọn thay thế. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác để quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

"Ngân hàng Giám sát"

Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được lựa chọn thay thế, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

"Đại lý chuyển nhượng"

Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

"Công ty kiểm toán."

Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

"Đại lý phân phối"

Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

"Điều lệ/Điều lệ Quỹ"

Là Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

"Người có liên quan"

Là khái niệm "Người có liên quan" được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật số 70.

"Bản cáo bạch"

Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

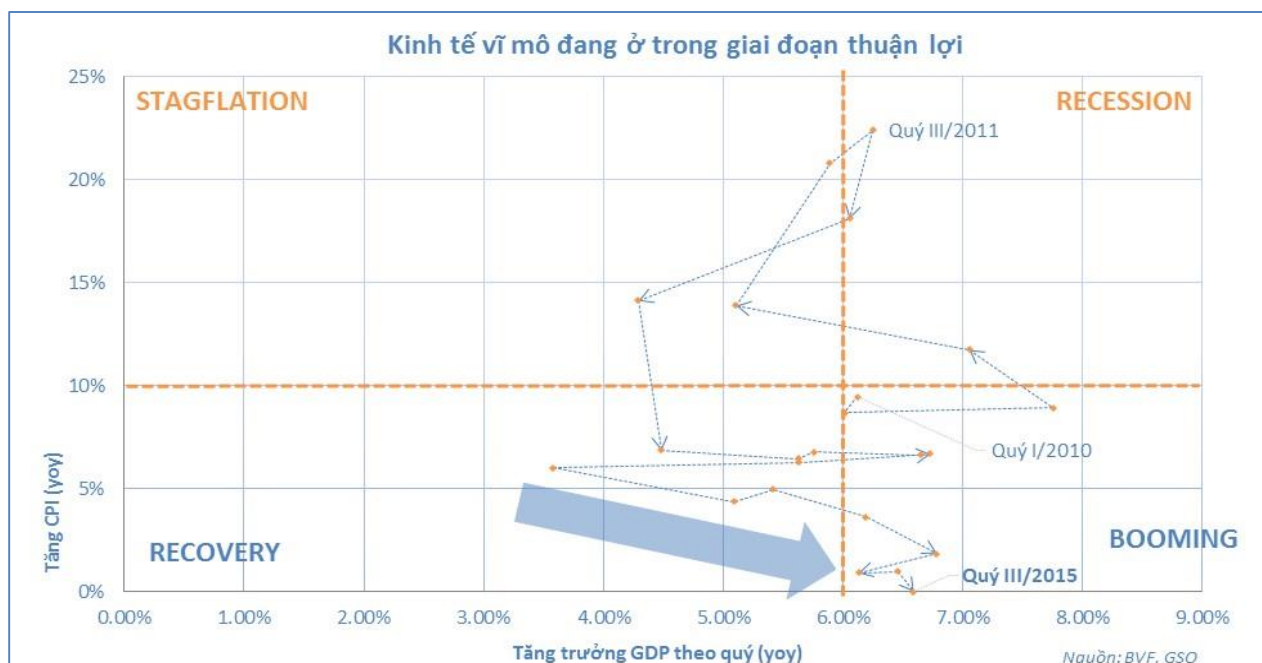
<i>“Hợp đồng giám sát”</i>	<i>Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.</i>
<i>“Nhà đầu tư”</i>	<i>Là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ.</i>
<i>“Đại hội Nhà đầu tư”</i>	<i>Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.</i>
<i>“Ban Đại diện Quỹ”</i>	<i>Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.</i>
<i>“Vốn Điều lệ”</i>	<i>Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.</i>
<i>“Đơn vị Quỹ”</i>	<i>Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.</i>
<i>“Chứng chỉ Quỹ ”</i>	<i>Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành (sau đây gọi là Chứng chỉ Quỹ), dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.</i>
<i>“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”</i>	<i>Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.</i>
<i>“Giá bán/Giá phát hành”</i>	<i>Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành quy định tại Điều lệ Quỹ.</i>
<i>“Giá mua lại”</i>	<i>Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ.</i>

<i>“Phí quản lý quỹ”</i>	<i>Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.</i>
<i>“Phí phát hành/phí mua lại”</i>	<i>Là phí mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Quỹ.</i>
<i>“Cổ tức Quỹ”</i>	<i>Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.</i>
<i>“Năm tài chính”</i>	<i>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</i>
<i>“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”</i>	<i>Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước ngày định giá.</i>
<i>“Ngày”</i>	<i>Là ngày làm việc dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i>
<i>“Ngày định giá”</i>	<i>Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.</i>
<i>“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”</i>	<i>Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (Ngày T).</i>
<i>“Thời điểm đóng sổ lệnh”</i>	<i>Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.</i>
<i>“Luật Chứng khoán”</i>	<i>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011.</i>
<i>UBCKNN</i>	<i>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</i>
<i>“Các định nghĩa khác”</i>	<i>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.</i>

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kể từ khi chuyển sang nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa hoạt động theo cơ chế thị trường vào năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua hai chu kỳ phát triển lớn đó là Giai đoạn 1986 – 1999 với động lực là quá trình “Đổi mới các chính sách kinh tế” và Giai đoạn 2000 – 2011 với động lực là quá trình “Cổ phần hóa và bắt đầu hội nhập”. Riêng trong giai đoạn 2000 – 2011, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua hai lần biến động, sau một giai đoạn dài tăng trưởng ổn định với lạm phát ở mức vừa phải, năm 2008 và năm 2011 chứng kiến tăng trưởng kinh tế sụt giảm kèm theo lạm phát tăng vọt.

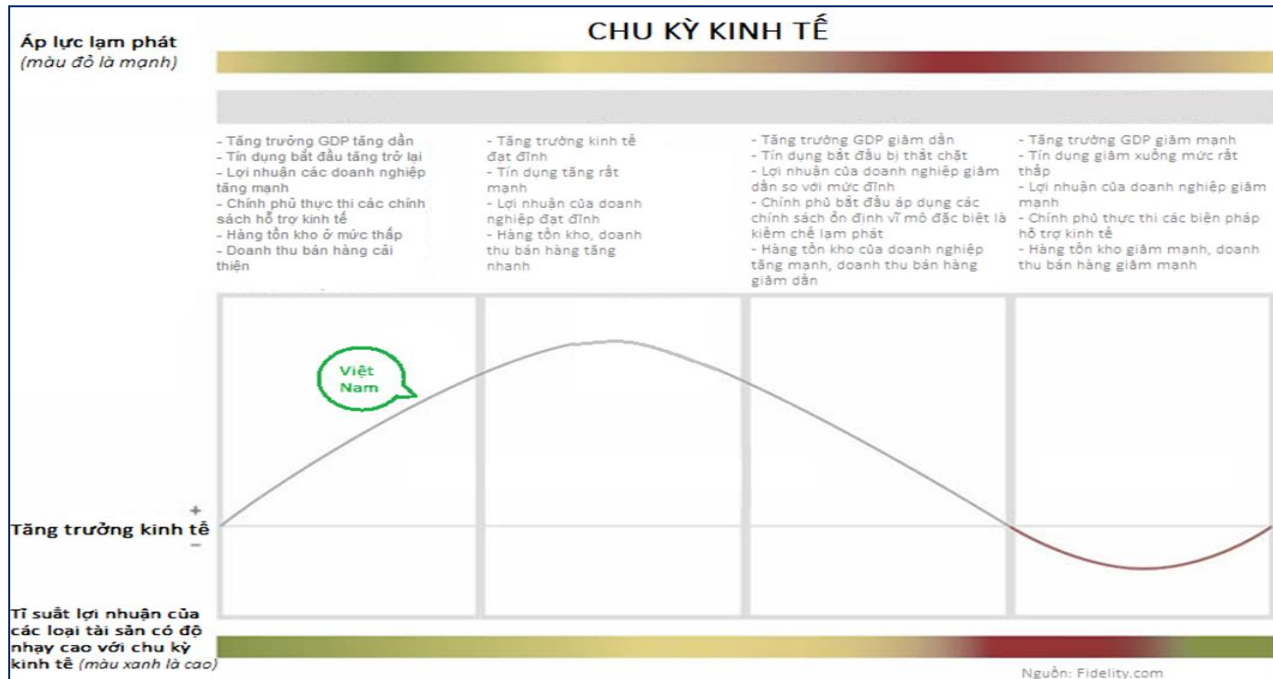


Nguồn: BVF, Tổng cục Thống kê

Kể từ 2011 tới nay, Việt Nam bước vào giai đoạn quá độ cho một chu kỳ tăng trưởng mới với động lực là cải cách thể chế kinh tế và hội nhập sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới thông qua các hiệp định Đối tác xuyên Thái bình Dương (TPP), hiệp định FTA EU – Việt Nam, thành lập cộng đồng kinh tế chung ASEAN... Những nền móng đầu tiên cho một chu kỳ tăng trưởng đang dần được hình thành với thuận lợi từ sự ổn định kinh tế vĩ mô và quyết tâm cải cách của nhà nước. Nền kinh tế Việt Nam đã ổn định trở lại trong 2 năm gần đây và bắt đầu bước vào giai đoạn tăng trưởng cao hơn với những đặc điểm đáng chú ý sau đây:

- **Tăng trưởng GDP bắt đầu tăng tốc** với mức tăng > 6% liên tục trong 4 quý gần nhất. Với xu hướng hiện tại, dự báo tăng trưởng GDP trong năm 2015 và năm 2016 có thể đạt khoảng 6,5 – 7,0%.
- **CPI liên tục ở mức thấp** trong 03 năm vừa qua đến từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong thời gian tới, lạm phát tiếp tục ở mức thấp do tác động từ giá cả hàng hóa thế giới, đặc biệt là giá dầu thô. Lạm phát thấp là một yếu tố quan trọng giúp đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu thị trường tài chính ở Việt Nam:

- Tạo nhiều điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ thuận lợi hơn. Hiện tại NHNN đang thiên về định hướng nới lỏng tiền tệ để giảm lãi suất đầu ra qua đó hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp.
- Giúp làm giảm lãi suất tiền gửi, qua đó gián tiếp hỗ trợ hoạt động kinh doanh của khối các doanh nghiệp trong nước vốn đang gặp nhiều khó khăn do cầu tiêu dùng còn yếu.
- Giúp hệ thống ngân hàng thương mại ổn định được thanh khoản, qua đó có thể dồn nguồn lực để tập trung xử lý vấn đề nợ xấu và tái cấu trúc lại các ngân hàng hoạt động không hiệu quả.



Nguồn: BVF

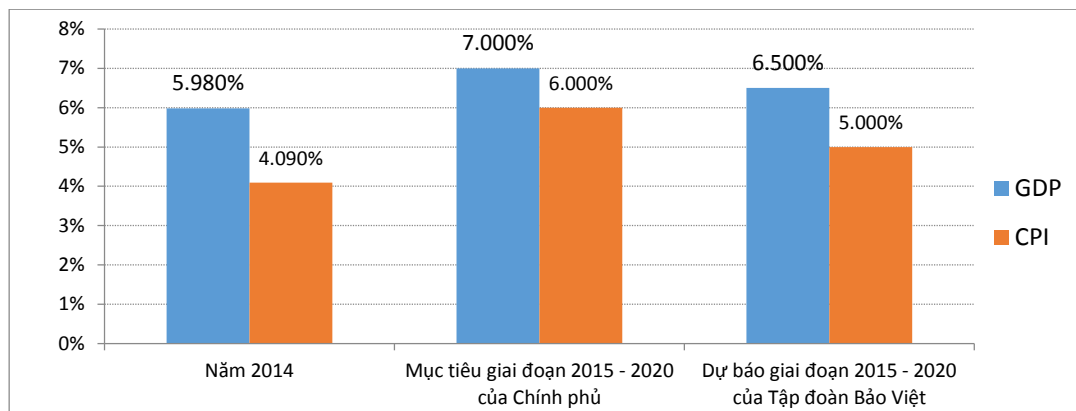
Trong giai đoạn 2015 – 2020, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng vốn có. Theo mục tiêu điều hành kinh tế của Chính phủ, tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giao động trong khoảng 6,5% - 7,0% và dần tiệm cận với tăng trưởng GDP tiềm năng của Việt Nam, lạm phát được khống chế ở mức một con số. Các yếu tố hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế có thể được tổng hợp như sau:

- Môi trường vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, duy trì tốc độ xuất nhập khẩu. Dòng vốn FDI được đẩy mạnh nhất là từ ASEAN tạo điều kiện cho các thị trường, ngành tăng trưởng.
- WTO, AEC và các hiệp định FTA, ASEAN+1, TPP... được ký kết và thực hiện đầy đủ từ năm 2018 sẽ đem lại cơ hội to lớn trong dài hạn, xóa bỏ rào cản thương mại và đầu tư, hướng tới thị trường có quy mô rộng lớn hơn.
- Dân số trẻ, cơ cấu dân số vàng, lực lượng lao động lớn. Đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng. Thu nhập bình quân hướng đến nước có thu nhập trung bình đem lại tiềm năng phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính với thị trường rộng lớn và đa dạng.
- Công nghệ phát triển nhanh chóng tạo điều kiện phát triển các kênh phân phối mới và tiếp cận

khách hàng tốt hơn.

Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn sắp tới như sau:

- Dự báo của Tập đoàn Bảo Việt:



Nguồn: Tập đoàn Bảo Việt

- Dự báo của một số tổ chức nước ngoài:

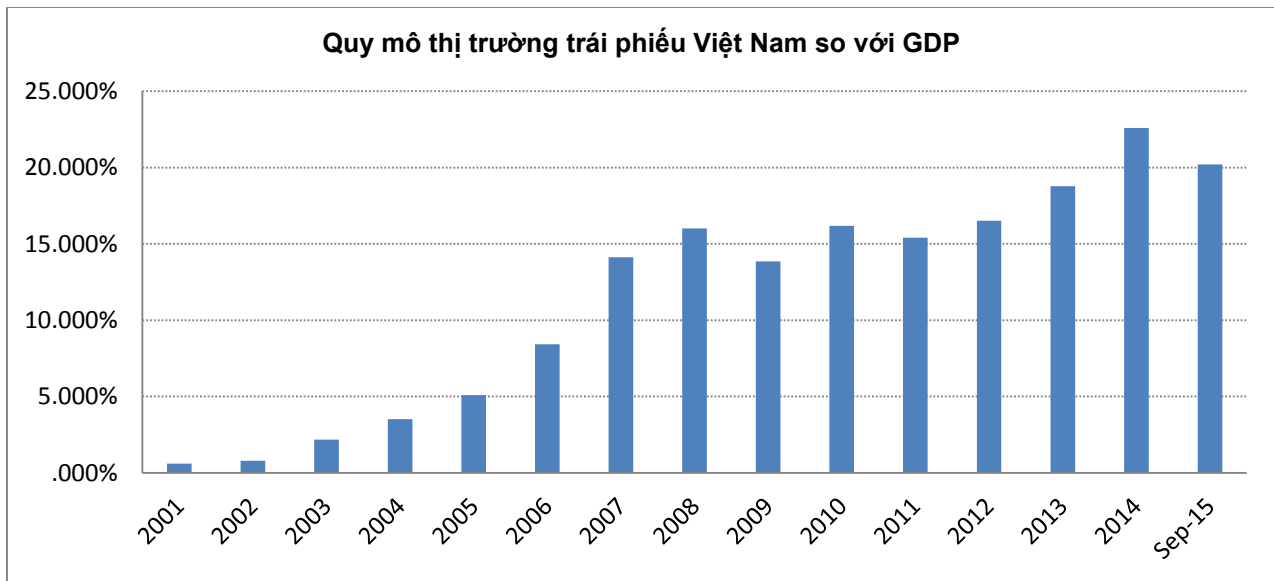
	2015		2016		2017	
	GDP	CPI	GDP	CPI	GDP	CPI
Trung bình	6.02%	4.70%	6.20%	4.87%	6.35%	4.90%
Median	6.00%	5.00%	6.20%	5.00%	6.40%	4.90%
Mode	6.00%	5.00%	6.60%	5.00%	6.40%	4.90%

Nguồn: BVF tổng hợp (HSBC, BMI, ANZ, World Bank...)

3.2 Triển vọng đầu tư trên thị trường trái phiếu

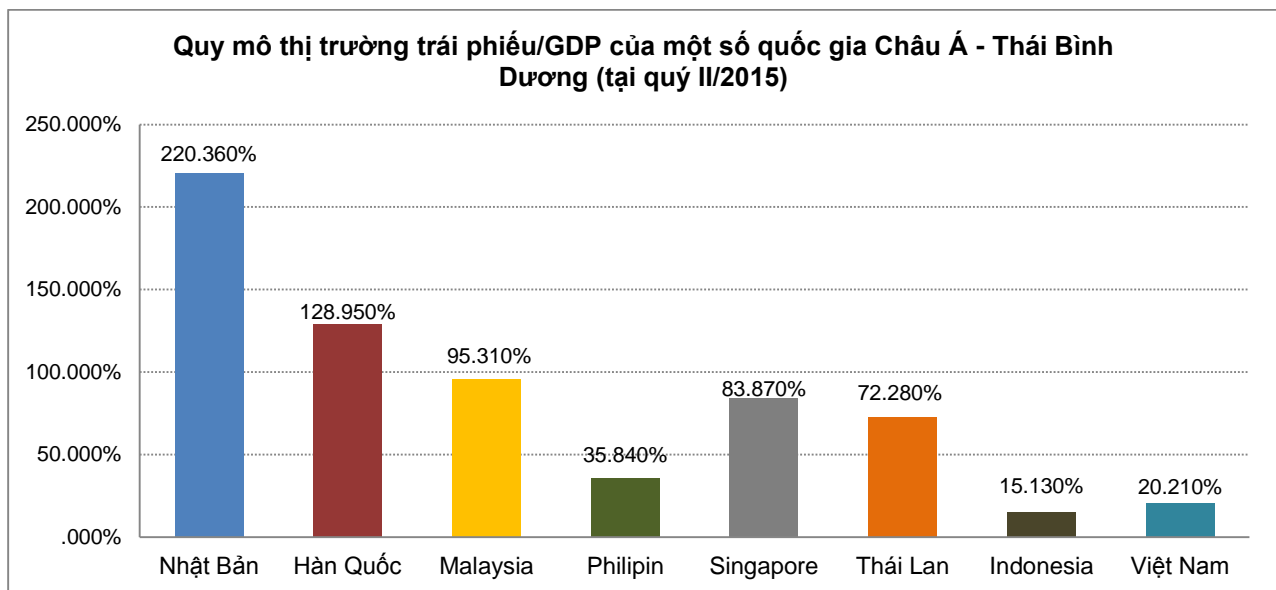
3.2.1 Tổng quan thị trường

Thị trường trái phiếu Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá tốt trong các năm vừa qua. Tại thời điểm năm 2000, quy mô của thị trường trái phiếu chỉ chiếm chưa tới 1% GDP. Tuy nhiên, tính đến thời điểm năm 2015, quy mô của thị trường trái phiếu đã đạt mức trên 20% GDP.



Nguồn: Aseanbondonline

Mặc dù đạt tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng nếu so sánh với thị trường trái phiếu của các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam còn khá nhỏ. Tại các quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Singapore... quy mô thị trường trái phiếu đã chiếm gần 80% GDP. Trong các năm tới, nhu cầu huy động vốn từ nguồn Trái phiếu Chính phủ của Việt Nam để tài trợ cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng và trả các khoản nợ đến hạn là rất lớn, do vậy quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam hoàn toàn có thể tiếp tục tăng trưởng mạnh.

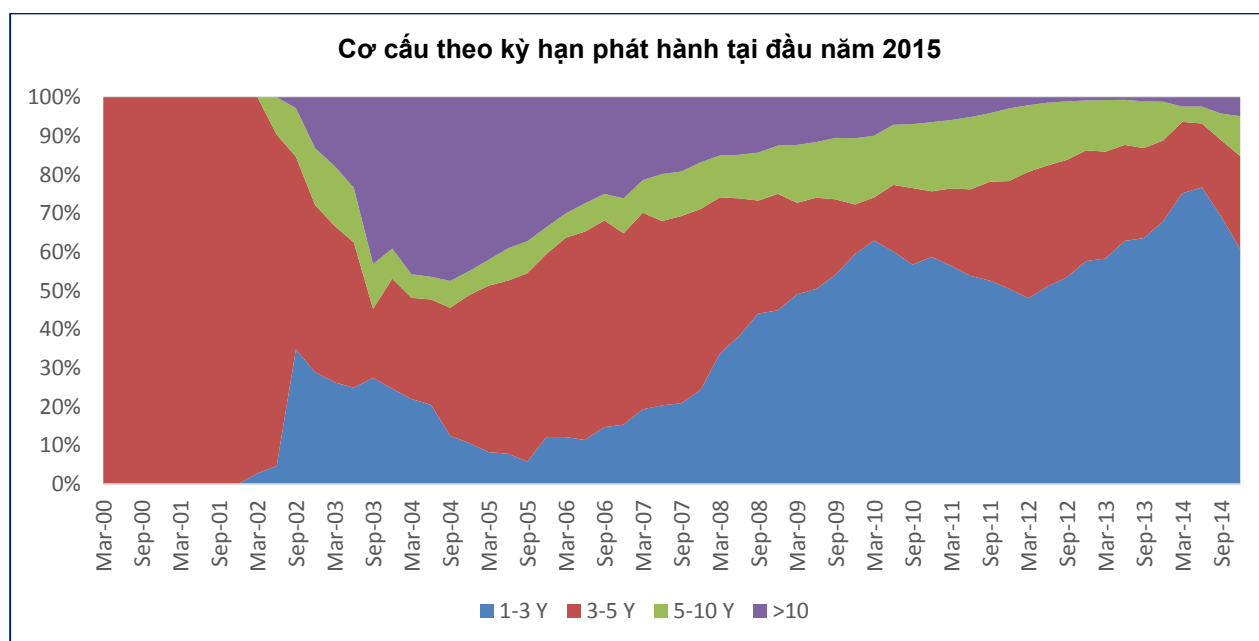


Nguồn: Aseanbondonline

Thị trường trái phiếu của Việt Nam có thể được chia làm 02 phân khúc chính, bao gồm trái phiếu Chính phủ (TPCP) và trái phiếu doanh nghiệp (TPDN):

- **Đối với phân khúc TPCP:**

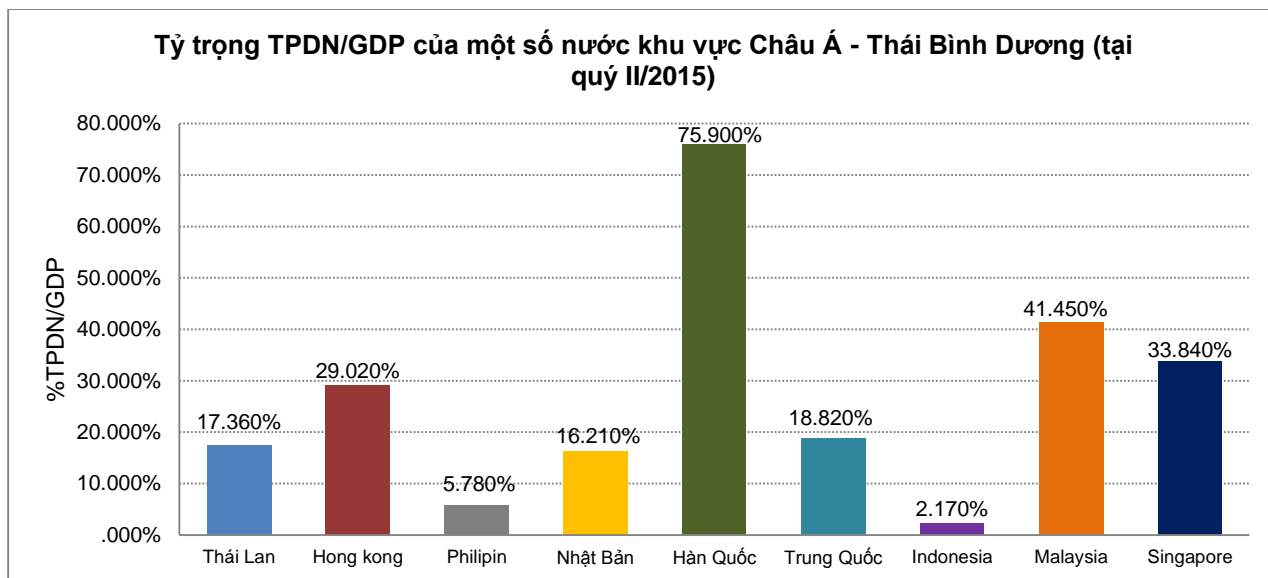
Ngân hàng thương mại (NHTM) sở hữu trên 80% khối lượng TPCP đang lưu hành, số còn lại là các công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư với tỷ lệ sở hữu khoảng 8% – 9% và nhà đầu tư nước ngoài với tỷ lệ sở hữu khoảng 11% - 12%. Xét về kỳ hạn, TPCP kỳ hạn từ 5 năm trở xuống chiếm trên 80% khối lượng TPCP đang lưu hành, tương ứng với tỷ lệ nắm giữ của các NHTM do TPCP kỳ hạn ngắn phù hợp với khẩu vị rủi ro của NHTM. TPCP kỳ hạn lớn hơn 10 năm chủ yếu do các công ty bảo hiểm nhân thọ nắm giữ, chiếm tỷ trọng khoảng 5%. Xét về thanh khoản, thanh khoản chung của toàn thị trường đã được cải thiện đáng kể trong 03 năm gần đây với tốc độ tăng trưởng khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày khoảng 45%. Kể từ thời điểm tháng 6/2015 trở về trước, sản phẩm phái sinh chưa được phép triển khai trên thị trường trái phiếu. Tuy nhiên, bắt đầu từ tháng 07/2015, Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh có hiệu lực thi hành, hai sản phẩm hợp đồng tương lai và hợp đồng kỳ hạn sẽ được phép thực hiện. Qua đó, cung cấp thêm công cụ cho nhà đầu tư để phòng ngừa rủi ro và gia tăng lợi nhuận.



Nguồn: Aseanbondonline

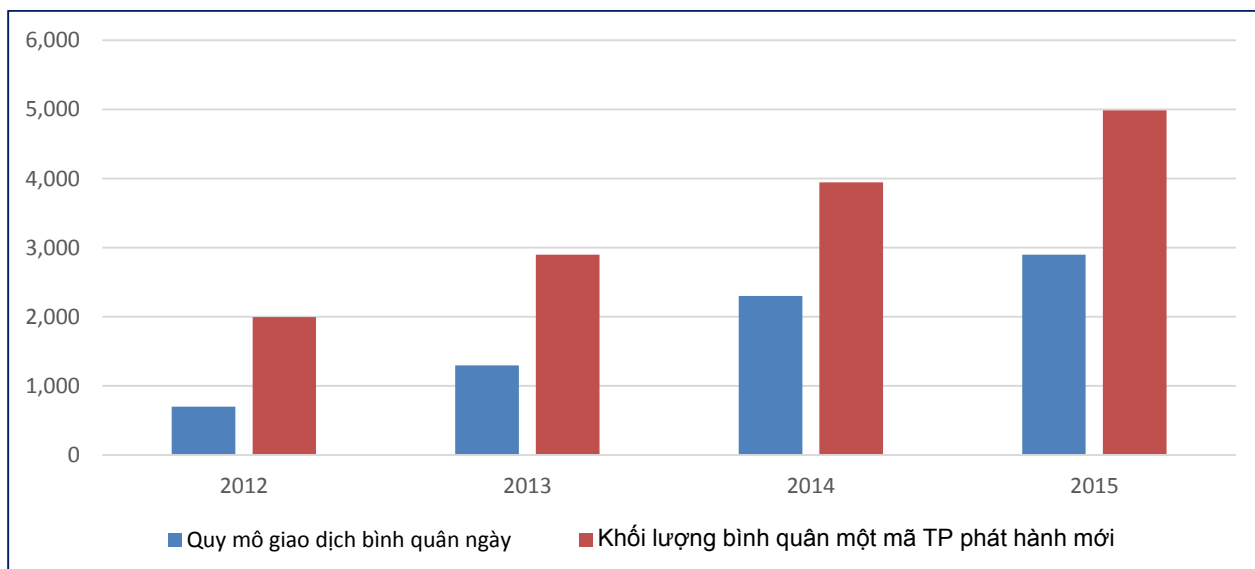
- **Đối với phân khúc TPDN:**

Thị trường TPDN của Việt Nam vẫn còn rất nhỏ bé, tỷ trọng TPDN/GDP mới chỉ đạt 0,34%. So với các nước trong khu vực, điển hình là Indonesia, nước có thị trường trái phiếu phát triển tương đối tương đồng với Việt Nam, tỷ trọng TPDN/GDP của Indonesia là trên 2%, vượt xa quy mô thị trường TPDN Việt Nam. Tính minh bạch về thông tin và thanh khoản trên thị trường cũng khá thấp, hiện tại chỉ có hai doanh nghiệp là BIDV và VIC thực hiện niêm yết trái phiếu trên thị trường chứng khoán. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của thị trường cũng chưa đầy đủ như chưa có tổ chức xếp hạng tín nhiệm, chế tài đối với việc cung cấp thông tin không chính xác còn chưa mạnh, hoạt động đầu tư TPDN được thực hiện như một biện pháp thay thế nhằm tránh những ràng buộc chặt chẽ so với vay vốn ngân hàng... Trong thời gian tới, khi khung pháp lý cho việc phát hành TPDN được hoàn thiện, tổ chức xếp hạng tín nhiệm được thành lập và hoạt động, cùng với diễn biến tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ là các yếu tố quan trọng hỗ trợ thị trường TPDN phát triển.



Nguồn: Aseanbondonline

Trong thời gian qua, các cơ quan quản lý thị trường đã tích cực triển khai nhiều biện pháp để hỗ trợ thị trường trái phiếu phát triển như chuyển toàn bộ trái phiếu niêm yết và giao dịch tập trung tại HNX, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trái phiếu online, phát hành trái phiếu lô lớn, hoán đổi trái phiếu lô lẻ trên thị trường, rút ngắn thời gian niêm yết trái phiếu, xây dựng thí điểm đường cong lãi suất... Các biện pháp này đã giúp thị trường trái phiếu có những bước tiến đáng kể về thanh khoản. Tuy vậy, do đối tượng nhà đầu tư chủ yếu là các NHTM và ưa thích kỳ hạn ngắn nên thanh khoản chủ yếu tập trung vào trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 5 năm trở xuống, chiếm trên 90% giao dịch toàn thị trường.



Nguồn: HNX

Nhận định xu hướng lãi suất trong trung hạn:

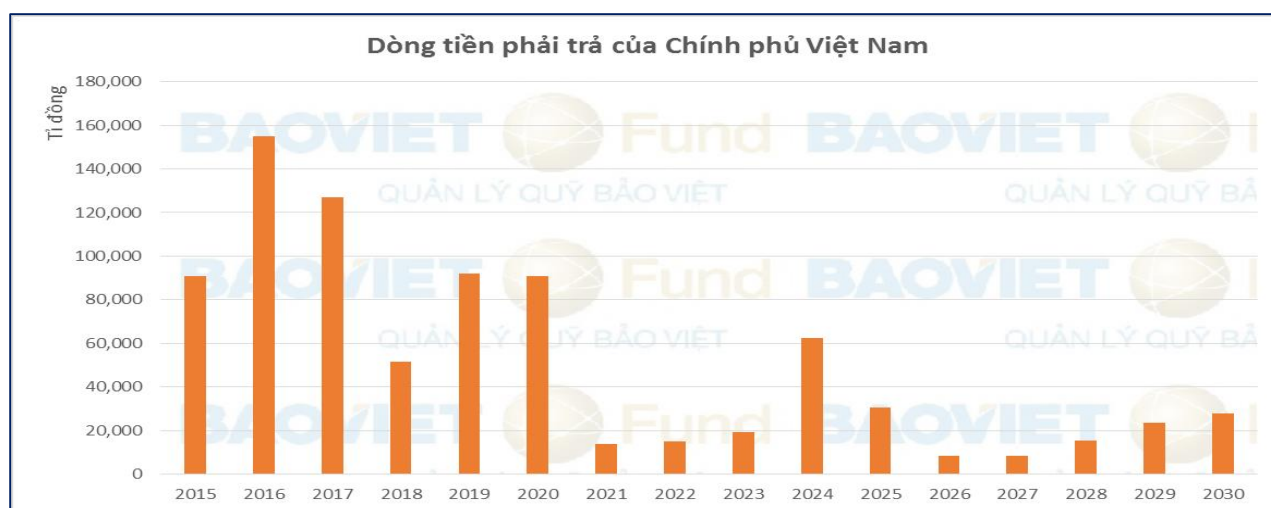
Kinh tế Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của chu kỳ tăng trưởng mới. Trong trung hạn, hai yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng lớn nhất đến xu hướng lãi suất trên thị trường là GDP và CPI.

Theo dự báo của các tổ chức quốc tế, GDP trong giai đoạn 2 - 3 năm tới của Việt Nam trong khoảng 6% - 7%/năm, CPI trong khoảng 5% - 6%/năm. Mục tiêu của Chính phủ giai đoạn 2015 – 2020 là GDP bình quân 7%/năm, CPI bình quân 6%/năm. Như vậy, điểm chung của các dự báo trong 2 - 3 năm tới là GDP trong khoảng 6-7%, CPI trong khoảng 5 - 6%. Trong trung hạn, sự ổn định của GDP và CPI sẽ là các yếu tố quan trọng để hỗ trợ sự ổn định của thị trường trái phiếu. CPI duy trì mức thấp sẽ hỗ trợ mạnh cho xu hướng lãi suất thấp, thị trường trái phiếu sẽ không có biến động mạnh nếu các yếu tố vĩ mô được duy trì. Tuy nhiên, trong ngắn hạn vẫn có những sóng lãi suất trái phiếu do biến động cung cầu và những thay đổi của các yếu tố tác động đến ngắn hạn khác.

3.2.2 Cơ hội đầu tư trên thị trường trái phiếu

- **Nguồn cung TPCP sẽ tăng mạnh trong thời gian tới:**

Nợ công của Việt Nam đến cuối năm 2014 là 60,3% GDP. Theo kế hoạch đến năm 2016, nợ công sẽ tăng đến mức cao nhất là 64,9% GDP (*trên là 65% GDP*). Trong các năm sau đó, nợ công sẽ giảm dần về khoảng 60,2% GDP ở thời điểm năm 2020. Theo dự toán thu chi ngân sách năm 2015 của Chính phủ, dự toán thu ngân sách là 911.000 tỷ đồng, trong đó thu từ dầu thô là 93.000 tỷ đồng với giá định giá dầu thô là 100 USD/thùng, chiếm 10,2% tổng thu ngân sách. Như vậy, nếu giá dầu thô duy trì ở mức 50 – 60 USD/thùng, ngân sách sẽ thiếu hụt khoảng 45.000 tỷ đồng. Phần thiếu hụt này sẽ được bù đắp bằng việc phát hành trái phiếu trong nước, nước ngoài hoặc tăng thu từ các nguồn khác. Tuy nhiên, khả năng phát hành trái phiếu để bù đắp thâm hụt là cao vì các nguồn thu khác sẽ rất khó tăng do nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn tái cơ cấu. Lượng trái phiếu đáo hạn trong 03 năm tới là trên 100.000 tỷ đồng/năm (*riêng 2015 trên 200.000 tỷ*). Để có nguồn trả nợ trái phiếu đến hạn, Chính phủ cũng sẽ phải tăng lượng trái phiếu phát hành.

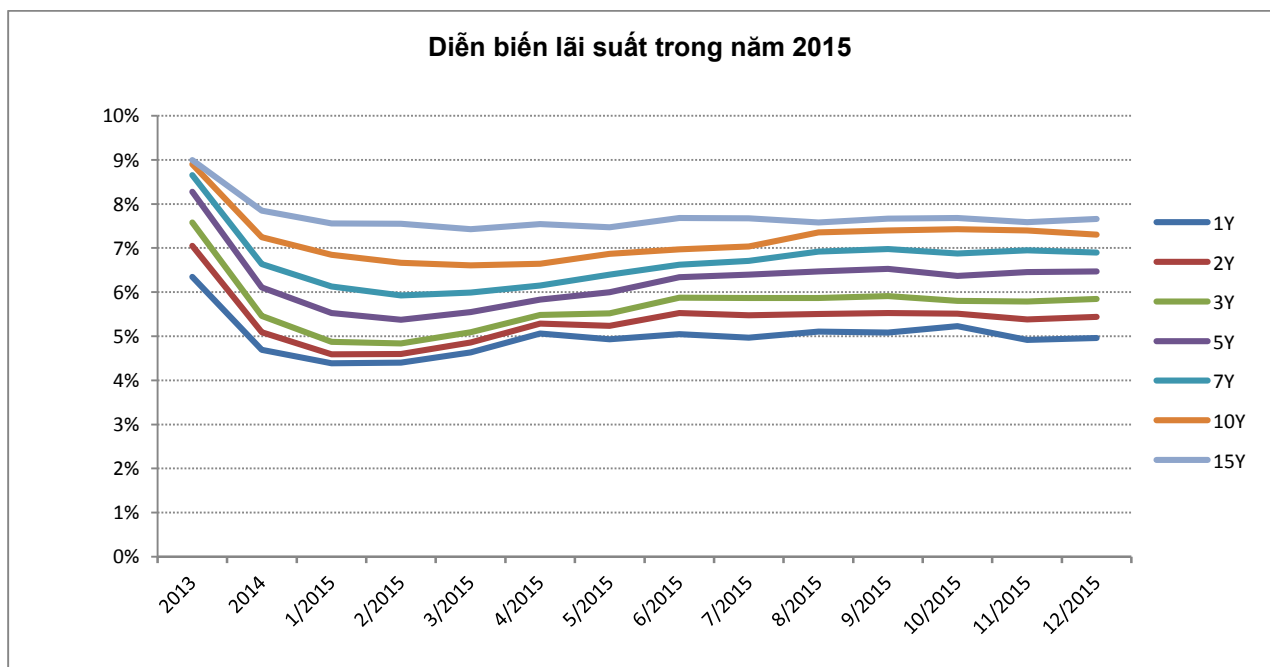


Nguồn: HNX

Để tài trợ cho các hoạt động đầu tư phát triển và trả nợ đến hạn, nhu cầu phát hành TPCP của Việt Nam dự kiến bình quân khoảng 250.000 tỷ đồng/năm. Với nguồn cung trái phiếu lớn như vậy, để phát hành thành công, Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước sẽ cần phối hợp để đưa ra các chính sách phát hành hợp lý và đó là cơ hội đầu tư tốt cho các nhà đầu tư trên thị trường.

Thanh khoản thị trường tăng dần cùng với sự tham gia của các tổ chức đầu tư mới như quỹ mở, quỹ hưu trí tự nguyện... sẽ là các yếu tố hỗ trợ sự phát triển của thị trường trái phiếu. Theo định hướng phát triển thị trường trái phiếu của Chính phủ, trong thời gian tới sẽ tập trung các giải pháp hỗ trợ để giảm tỷ trọng nắm giữ trái phiếu ở khối NHTM, tăng tỷ trọng nắm giữ của các tổ chức khác và định hướng các dòng vốn vào đúng đối tượng đầu tư. Đây sẽ những yếu tố thuận lợi để công ty quản lý quỹ đưa các sản phẩm tập trung vào thị trường TPCP chào bán ra thị trường.

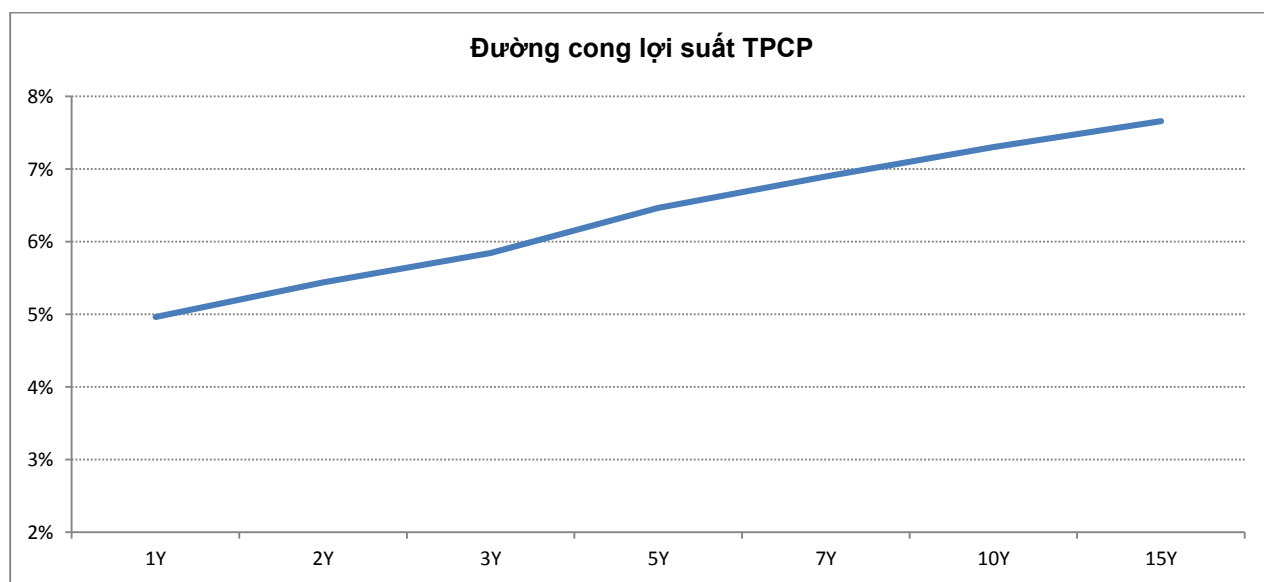
- **Lãi suất trái phiếu đã tạo đáy và có xu hướng tăng trở lại:**



Nguồn: HNX

Cùng với xu hướng giảm mạnh của CPI, lãi suất TPCP đã giảm khá sâu từ năm 2012 và tạo đáy vào thời điểm tháng 2/2015. Hiện tại, lãi suất đang có xu hướng đi ngang. Các yếu tố hỗ trợ cho xu hướng tăng lại của lãi suất đang mạnh dần lên như: Tăng trưởng tín dụng tốt, nhu cầu phát hành trái phiếu của KBNN cao, tỷ giá chịu nhiều áp lực... Lãi suất đi qua giai đoạn đáy, trong ngắn hạn có xu hướng tăng do tác động mạnh lên của các yếu tố ảnh hưởng, trong dài hạn các yếu tố tác động được đánh giá ổn định sẽ hỗ trợ chu kỳ lãi suất ổn định. Đồng thời, thanh khoản thị trường tốt dần sẽ mở ra cơ hội đầu tư mới cho các tổ chức có nhu cầu đầu tư trái phiếu.

- Đường cong lợi suất (YC) dự báo tiếp tục trở về trạng thái bình thường (normal):



Nguồn: HNX

Sự ổn định của kinh tế vĩ mô trong các năm tới sẽ hỗ trợ cho sự ổn định trên thị trường tài chính. Đường YC được dự báo sẽ trở về trạng thái bình thường và dốc, không có những cú sốc lớn trên thị trường. Tuy nhiên, có thể vẫn có những sóng lãi suất biến động theo cung, cầu và những yếu tố tác động trong ngắn hạn. Sự ổn định của đường YC sẽ hạn chế rủi ro lãi suất và mở ra cơ hội thực hiện giao dịch tăng hiệu quả đầu tư cho các nhà đầu tư trái phiếu nếu tận dụng tốt các sóng lãi suất trên thị trường.

- Cơ quan quản lý, tổ chức phát hành và tổ chức thành viên thị trường đang tích cực triển khai các biện pháp về mặt pháp lý và kỹ thuật để thúc đẩy sự phát triển của thị trường.

Theo định hướng phát triển đối với thị trường trái phiếu Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, trong thời gian tới, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp để hỗ trợ sự phát triển của thị trường, đưa thị trường trái phiếu cùng với thị trường cổ phiếu trở thành những kênh thu hút vốn trung và dài hạn chủ chốt của nền kinh tế, cụ thể:

- Để phát triển thị trường TPCP, ngoài Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về sản phẩm phái sinh đã ban hành, Bộ Tài chính đang xây dựng đề án để đưa thêm nhiều sản phẩm trái phiếu mới ra thị trường như trái phiếu zero coupon, trái phiếu kỳ hạn dài 20 năm...
- Đối với thị trường TPDN, Chính phủ đang sửa đổi, bổ sung Nghị định về phát hành TPDN, trong đó có yêu cầu các doanh nghiệp sau khi phát hành trái phiếu phải đăng ký niêm yết giao dịch trên TTCK để tăng tính minh bạch thông tin và thanh khoản cho TPDN. Nghị định về thành lập và hoạt động của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã được Chính phủ ban hành năm 2014, dự kiến trong thời gian tới sẽ có từ 1 - 2 tổ chức định mức xếp hạng tín nhiệm được thành lập. Đây là yếu tố quan trọng để tăng tính minh bạch thông tin của tổ chức phát hành.
- Về phía tổ chức phát hành, KBNN đã tích cực cải tiến phương thức cung cấp thông tin về kế hoạch phát hành, công bố kế hoạch phát hành quý, năm, chi tiết theo kỳ hạn, tăng số phiên đấu

thầu từ 04 phiên/tuần lên 08 phiên/tuần, rút ngắn thời gian từ khi trái phiếu phát hành đến khi được giao dịch từ T + 7 xuống T + 3 để tăng tính thanh khoản cho trái phiếu.

Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX), Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), các thành viên thị trường đang có những chương trình hành động thiết thực với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển và tăng thanh khoản cho thị trường trái phiếu như xây dựng đường cong lãi suất, tham gia đóng góp xây dựng khung chính sách, cung cấp các thông tin chào giá hai chiều chắc chắn từ các tổ chức đầu tư lớn trên thị trường...

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.1 Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

4.1.1 Thông tin cơ bản

Tên công ty: Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd.

Viết tắt: BVF

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/04/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015

Trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Địa chỉ VPĐD

Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ:

100 tỷ đồng

Điện thoại:

(84-4) 3 928 9589

Fax

(84-4) 3 928 9590

Website:

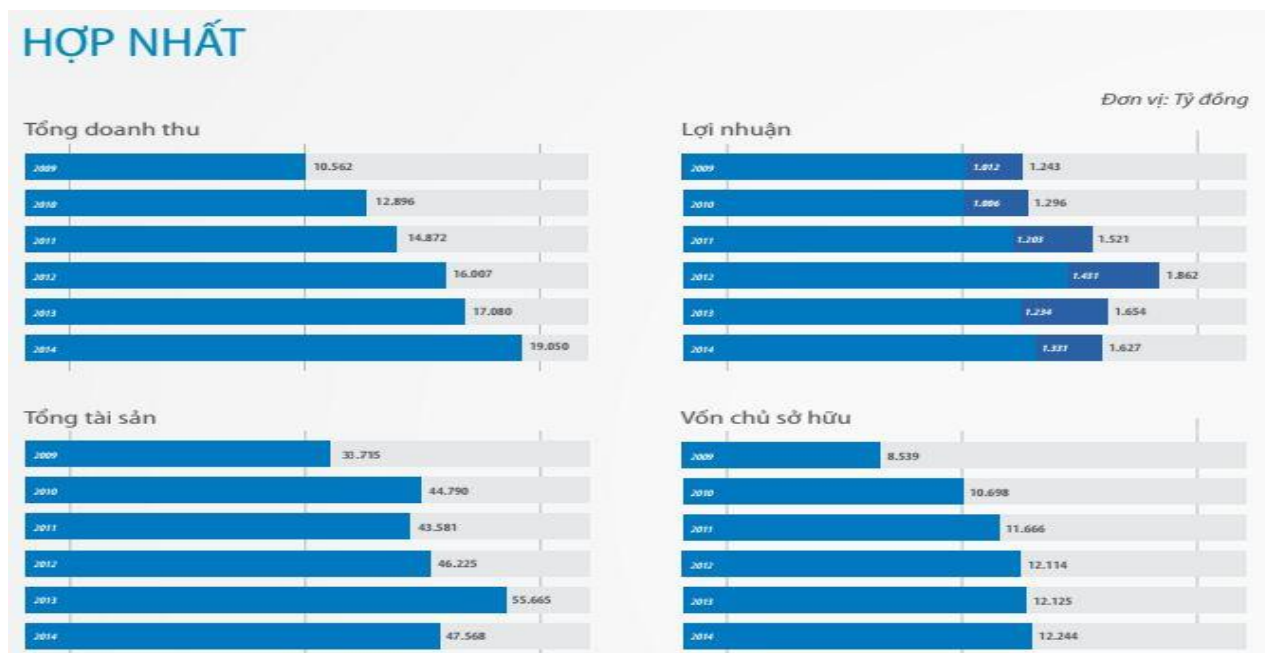
<http://www.baoviet.com.vn/fund>

4.1.2 Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (*Bảo Việt*) đầu tư 100% vốn điều lệ.

- **Vị thế khác biệt và vượt trội:**

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với 50 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 70.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 168 chi nhánh, hơn 700 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đầu thị trường về lĩnh vực bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 5.655 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 7.959 tỷ đồng năm 2014.



Nguồn: BVH

- **Tiềm năng tăng trưởng lớn:**

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính. Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao.



Nguồn: BVH

ƯU THẾ CẠNH TRANH CỦA BẢO VIỆT

- Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam;
- Tập đoàn bảo hiểm tài chính quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam;
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng và được biết đến rộng rãi trên khắp cả nước;
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm;
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng;
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng;
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được;

4.1.3 Giới thiệu về Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty Quản lý Quỹ

Ông Đặng Minh Lâm

Chủ tịch HĐTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Tài chính-Ngân hàng trường Đại học Dauphine (Cộng hòa Pháp) & Học viện ESCP-EAP (Châu Âu)
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Tiếng Anh thương mại – Trường Đại học Ngoại thương liên kết Đại học Ngoại ngữ

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý danh mục, đầu tư tài chính.
- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 12/2014 đến nay.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 12/2014 đến nay.
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ tháng 4/2015 đến nay.
- Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2015.
- Giám đốc đầu tư Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ năm 2010 đến năm 2014.

Bà Trần Phương Thảo

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản
- Cử nhân kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại Thương
- Chứng chỉ LOMA – Bảo hiểm nhân thọ

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu và xây dựng chiến lược trong doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Phó Giám đốc – Khối đầu tư Chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.

Ông Hatawaki Mutsuhiro

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn**

- Cử nhân Thương mại – Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản

❖ **Kinh nghiệm làm việc**

- Hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Bộ phận Kế hoạch và Điều phối Đầu tư, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo, Tokyo, Nhật Bản từ năm 2007.

4.1.4 Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Đặng Minh Lâm

Tổng Giám đốc

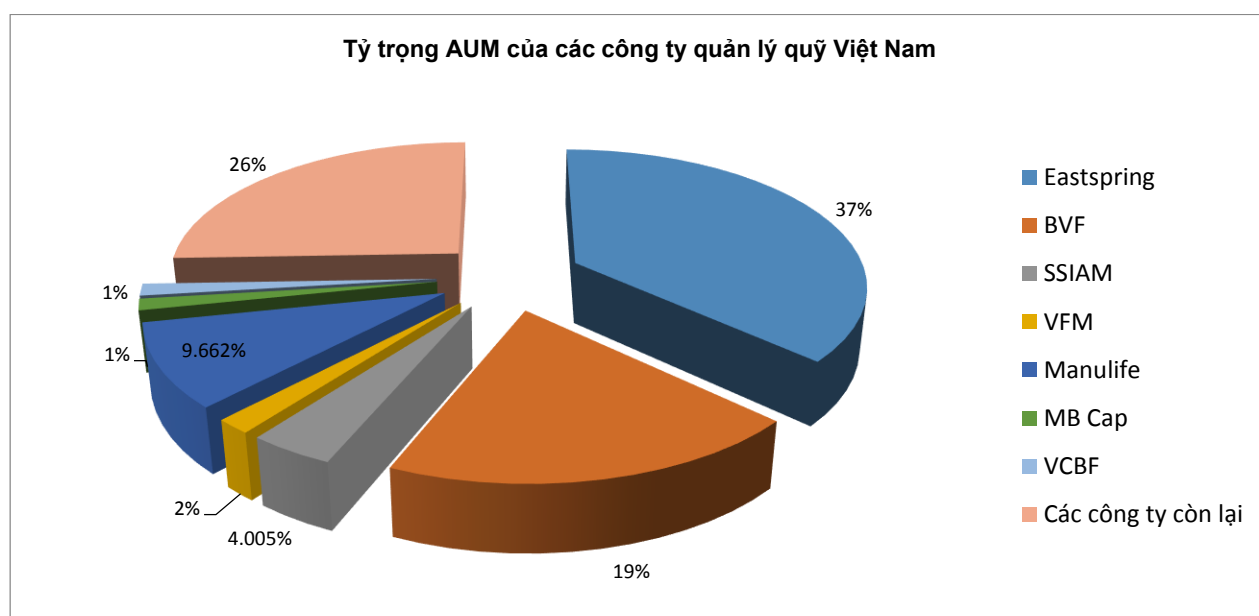
Xem thông tin tại phần trên

4.2 Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

4.2.1 Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ

Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường.

Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Do đó, tổng tài sản quản lý của công ty có mức tăng bình quân là trên 8%/năm. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Tại thời điểm 30/09/2015, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt xấp xỉ 25.900 tỷ đồng.



Nguồn: BVF tổng hợp

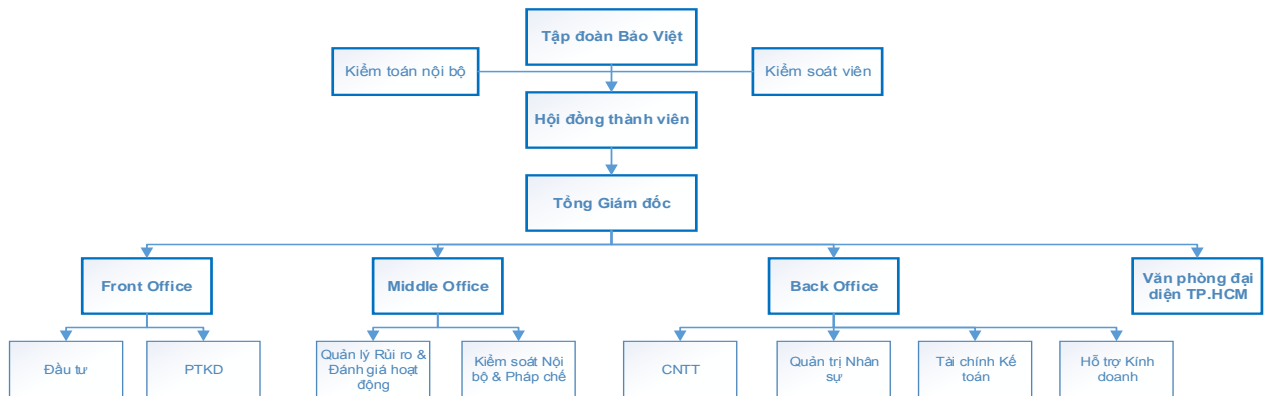
Hiện tại Công ty đang quản lý 06 danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thị trường và 01 quỹ mở, 01 quỹ thành viên. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED) là quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức nhận lệnh điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng khi tham gia đầu tư.

BAO VIET FUND

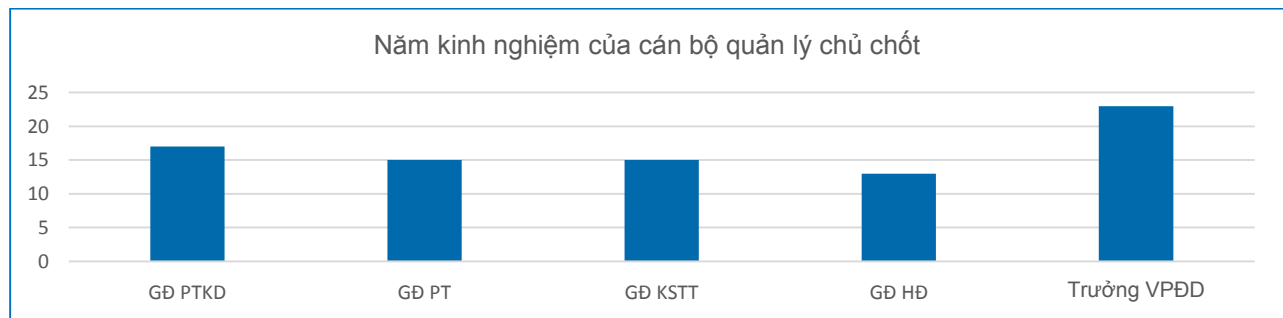
- Là một trong 3 trụ cột của Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện các hoạt động đầu tư từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm cho các đơn vị thành viên.
- Là một nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và chủ động trên thị trường, đặc biệt với hoạt động đầu tư trái phiếu. Quy mô giao dịch bình quân năm đạt 22.000 tỷ đồng (năm 2014 đạt 30.000 tỷ đồng).
- Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước.
- Mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.
- Các quy định, quy trình cho mọi hoạt động đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp yêu cầu và thực tế của thị trường Việt Nam.
- Nhân sự chất lượng cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

So với các công ty quản lý quỹ đang hoạt động trên thị trường Việt Nam, Công ty có các ưu điểm đã được khẳng định như sau:

- **Mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng:**



- **Nhân sự chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm:**

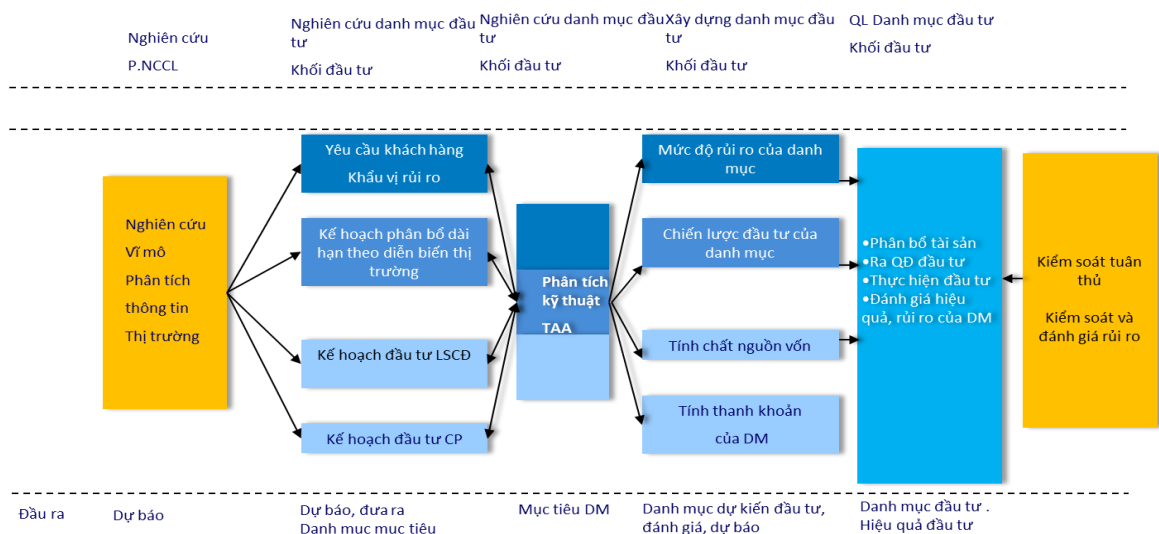


- Số năm kinh nghiệm bình quân của cán bộ là trên 10 năm.
- Hơn 60% cán bộ là thạc sỹ các chuyên ngành liên quan.

- 10% cán bộ đạt chứng chỉ CFA.

• **Hoạt động đầu tư được vận hành hiệu quả:**

- Điều hành danh mục do các cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng tốt và am hiểu thị trường.
- Hạn mức, mục tiêu và tiêu chí đầu tư được thiết lập rõ ràng trên cơ sở thống nhất với khách hàng nên các kỷ luật đầu tư được thực hiện nghiêm túc.
- Các quy định, quy trình, hướng dẫn đầu tư được thiết lập đầy đủ. Cán bộ quản lý các danh mục luôn được hỗ trợ đầy đủ bởi các báo cáo, thông tin cung cấp từ bộ phận phân tích, giao dịch để đảm bảo công tác điều hành danh mục được thực hiện một cách có hiệu quả.
- Các mô hình áp dụng cho công tác phân tích, định giá, xếp hạng tín nhiệm, hỗ trợ công tác ra các quyết định đầu tư được xây dựng đầy đủ.
- Kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ thực hiện việc kiểm soát trước, trong và sau giao dịch, đảm bảo tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư. Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư được thực hiện độc lập với Khối Đầu tư theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, mẫu biểu thống nhất với khách hàng.



4.2.2 Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:

Với những nền tảng được xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

- Tại thời điểm 30/09/2015, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt xấp xỉ 25.900 tỷ đồng và là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường.
- TSLNST/VĐL trong giai đoạn 5 năm trung bình đạt 28%.

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	46	41	42,2	42	46
Doanh thu từ hoạt động tài chính	10	11,2	9,3	6	5
Lợi nhuận trước thuế	24	10,8	18,2	16	15
Lợi nhuận sau thuế	21	8,7	14,6	13	12

Đơn vị: tỷ đồng

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

4.3 Quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý

- **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)**

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt được thành lập vào tháng 01/2014, là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn

Ngay trong đợt chào bán ra công chúng lần đầu tiên, Quỹ đã thu hút được 71,3 tỷ đồng từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Quỹ BVFED cũng là quỹ mở đầu tiên trên thị trường áp dụng hình thức giao dịch điện tử, tạo sự thuận tiện tối đa cho nhà đầu tư khi tham gia giao dịch. Để biết thông tin chi tiết về quỹ BVFED, vui lòng truy cập website www.baoviet.com.vn/fund.

- **Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)**

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định nói “room” và đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Chiến lược đầu tư của BVIF là tham gia các đợt IPO cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mua/bán tái cấu trúc doanh nghiệp, các đợt thoái vốn ngoài ngành... với định hướng trở thành cổ đông lớn để có thể cùng tham gia vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị gia tăng. Bên cạnh việc đầu tư vào các doanh nghiệp, BVIF sẽ đầu tư linh hoạt vào các tài sản khác tùy theo điều kiện thị trường nhằm tăng hiệu quả cho Quỹ, tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên tham gia góp vốn.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Giấy phép hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy phép hoạt động lưu ký: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
- Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84 4) 3 9411840
- Fax: (84 4) 3 9411847

VI. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ
- Trụ sở đăng ký: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84 4) 3 9747113
- Fax: (84 4) 3 9747120
- Hoạt động ủy quyền: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập nhau.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

9.1 Thông tin chung về Quỹ

9.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**
- Tên giao dịch:
 - o **Bảng tiếng Việt** **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt**
 - o **Bảng tiếng Anh** **Bao Viet Bond Open-Ended Fund**
 - o **Tên viết tắt** **BVBF**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.**

9.1.2 Giấy đăng ký phát hành

Sẽ được cập nhật theo thông báo của UBCKNN

9.1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động

Sẽ được cập nhật theo thông báo của UBCKN

9.1.4 Ban đại diện Quỹ:

Sẽ được cập nhật theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

9.1.5 Người điều hành Quỹ:

Ông Nguyễn Tiến Hải

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Thạc sỹ Tài chính tiền tệ và lưu thông tín dụng – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản - UBCKNN

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có 06 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư và quỹ đầu tư.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 8/2015 đến nay.
- Trưởng phòng Quản lý Danh mục lãi suất cố định – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ năm 2014 đến tháng 8/2015.

Bà Nguyễn Thị Hải Vân

❖ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại học ESCP Europe và Paris Dauphine
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân
- Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản – UBCKNN

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 09 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có 05 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư và quỹ đầu tư.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 8/2015 đến nay.
- Phó phòng Phân tích lãi suất cố định từ năm 2010 đến 8/2015.

9.2 Mục tiêu, chiến lược và hạn chế đầu tư của Quỹ

9.2.1 Mục tiêu đầu tư:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.

9.2.2 Chiến lược đầu tư

- Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

- Tài sản đầu tư của Quỹ bao gồm:

- Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

Lưu ý: Việc đầu tư vào các tài sản tại Điểm e nói trên phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai tháng (12) kể từ ngày thực hiện giao dịch.

- Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

- Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Các loại trái phiếu	51% – 100%	Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	

đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.

() Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ*

- Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định của pháp luật.

9.2.3 Hạn chế đầu tư

- Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn chế đầu tư dưới đây:
 - a) Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ.
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi trừ trái phiếu Chính phủ;
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - g) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- Trừ trường hợp quy định tại Điểm h, i, j Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ do các nguyên nhân sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.
 - Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (*nếu phát sinh*). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 - Các hạn chế đầu tư được quy định nêu trên sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

9.3 Rủi ro khi đầu tư vào Quỹ:

Loại rủi ro	Mô tả
Rủi ro thị trường	Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của các yếu tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh... làm ảnh hưởng bất lợi đến thị trường lãi suất cố định nói chung và các khoản đầu tư của Quỹ nói riêng.
Rủi ro lãi suất	Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh khi lãi suất thị trường tăng và làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Quỹ, đặc biệt là các khoản đầu tư vào trái phiếu.
Rủi ro lạm phát	Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

Rủi ro thanh khoản	Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.
Rủi ro pháp lý	Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi hoạt động đầu tư của Quỹ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
Rủi ro tín dụng	Rủi ro tín dụng là rủi ro liên quan đến những tổn thất/thiệt hại nếu bên đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/chi trả hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn.
Rủi ro xung đột lợi ích	Rủi ro phát sinh khi có xung đột nhất định về lợi ích giữa danh mục tự doanh Công ty và các quỹ đầu tư, danh mục ủy thác, giữa lợi ích của cá nhân cán bộ thực hiện đầu tư và các danh mục đang quản lý trong việc tìm kiếm lợi nhuận.
Rủi ro chiến lược	Rủi ro do chiến lược đầu tư là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ trong quá trình triển khai chiến lược được duyệt đã không có sự rà soát, phân tích điều kiện thị trường thường xuyên để có sự điều chỉnh trong các giải pháp một cách phù hợp.
Rủi ro khác	Bao gồm những rủi ro không thuộc các loại rủi ro nêu trên.

9.4 Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ được tóm tắt tại Phụ lục 1 của Bản Cáo bạch này. Để có thông tin đầy đủ, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ chi tiết. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Bản Cáo bạch và Điều lệ Quỹ thì sẽ vận dụng nội dung tại Điều lệ Quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

10.1 Căn cứ pháp lý:

- Luật số 68/2014/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 về Luật Doanh nghiệp;
- Luật số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XI, kỳ họp thứ 9 về Luật chứng khoán;
- Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XII, kỳ họp thứ 8 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng

khoản số 70/2006/QH11;

- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan;

10.2. Phương án phát hành lần đầu:

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)	
Loại hình	Quỹ mở	
Thời hạn của Quỹ	Không giới hạn	
Mục tiêu đầu tư	Tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định	
Kiểm soát rủi ro đầu tư	Ngân hàng Giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ căn cứ vào chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch	
Cơ cấu đầu tư mục tiêu:	Tài sản	Tỷ trọng (*)
	Các loại trái phiếu	51 – 100%
	Các tài sản được phép đầu tư khác	0 – 49%
	<i>(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ</i>	
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đơn vị quỹ	
Thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ	Tối đa 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt phát hành lần đầu sớm hơn khoảng thời gian nêu trên nếu các điều kiện sau đây được thỏa	

	<p>mãn đồng thời:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ không thấp hơn 50 tỷ đồng; b. Thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày kể từ ngày đăng ký mua đầu tiên; c. Có tối thiểu 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chuyên nghiệp đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ;
Mệnh giá	10.000 đồng
Phí phát hành	Không tính phí
Giá phát hành	10.000 đồng
Đơn vị tiền tệ	Đồng
Giá trị mua tối thiểu	1.000.000 đồng tương đương 100 Chứng chỉ Quỹ
Phương thức đăng ký mua	Chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch
Phương thức phân bổ Chứng chỉ Quỹ lần đầu:	Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân bổ cho Nhà đầu tư = Tổng số tiền đặt mua hợp lệ / Giá phát hành
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
Ngày giao dịch đầu tiên	Trong tháng kế tiếp tháng UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ
Trường hợp phát hành Chứng chỉ Quỹ không thành công	<p>Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật, báo cáo UBCKNN đồng thời chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất (nếu có), khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Có ít hơn 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ;

	b. Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50 tỷ đồng;
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.
Các đối tác khác có liên quan đến đợt phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành; - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

10.3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo:

10.3.1. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường:

Ngày giao dịch	Định kỳ ngày thứ Tư hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T).	
Giá phát hành/bán	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ	
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch - Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ	
Phí phát hành	Số tiền đăng ký mua hợp lệ	Mức phí
	Nhỏ hơn 02 tỷ đồng	0,30%
	Từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	0,25%
	Trên 05 tỷ đồng	0,15%
Phí mua lại	Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ	Mức phí
	Nhỏ hơn 06 tháng	0,30%
	Từ 06 tháng trở lên	Không tính phí
	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.	
Phí chuyển đổi	Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ	Mức phí
	Nhỏ hơn 06 tháng	0,10%
	Từ 06 tháng trở lên	Không tính phí
	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước	

	có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	1.000.000 đồng
Số lượng đăng ký giao dịch bán hoặc chuyển đổi tối thiểu	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi tối thiểu là năm (05) Chứng chỉ Quỹ.
Số lượng CCQ tối thiểu còn lại tại tài khoản	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
Thời gian đóng sổ lệnh	10h30 (<i>mười giờ ba mươi</i>) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 17h00 của ngày làm việc gần nhất trước đó.
Thời điểm công bố NAV	Trong vòng T + 3
Thời hạn xác nhận giao dịch	Ngày T + 3
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Trong vòng T + 5
Phương thức đặt lệnh	Chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch
Hủy lệnh giao dịch	Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh. Ngoài ra, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> a. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh b. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (<i>giao dịch qua Đại lý phân phối</i>); c. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điều lệ Quỹ; d. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng; e. Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng.

	Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	Theo quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ
Đóng tài khoản giao dịch	Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau: a. Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ; b. Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm; c. Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

10.3.2. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) theo đó, Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ. Phương thức đặt lệnh được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch;
- Nội dung Chương trình đầu tư định kỳ cụ thể như sau:

Thời gian đăng ký	01 năm	02 năm	Trên 02 năm
Kỳ đóng tiền	Tháng	Tháng hoặc Quý	Tháng hoặc Quý
Số tiền tối thiểu	100.000 đồng/tháng	- 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý	- 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý
Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất	Ngày 15 hàng tháng	- Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn	- Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn

(ngày Quỹ nhận được tiền mua từ Nhà đầu tư)

đóng tiền theo tháng;

đóng tiền theo tháng;

- Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý;
- Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý;

Phí giao dịch mua	Bằng 80% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 70% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 60% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng
-------------------	--	--	--

Chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:

- Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia;
- Kết thúc thời gian đăng ký;
- Nhà đầu tư không nộp tiền đúng cam kết về thời gian và/hoặc giá trị từ ba (03) lần trở lên trong thời gian đăng ký;

Trường hợp Chương trình đầu tư định kỳ bị chấm dứt trước khi kết thúc thời gian đăng ký, khi bán Chứng chỉ Quỹ mua theo Chương trình đầu tư định kỳ, Phí mua lại sẽ tự động tăng thêm đúng bằng phần phí giao dịch được giảm khi mua Chứng chỉ Quỹ.

Ví dụ:

- Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ trong thời hạn 01 năm với số tiền định kỳ là 100.000 đồng/tháng.
- Phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ là $0,3\% \times 80\% = 0,24\%$, như vậy phần phí giao dịch được giảm 0,06%.
- Giả định Nhà đầu tư chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ trước thời hạn và bán Chứng chỉ quỹ đã mua, Phí mua lại sẽ tự động tăng thêm là 0,06%.

- Việc bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được thực hiện tương tự quy định đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường.

10.3.3. Chuyển nhượng phi thương mại

- Việc chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan;

- Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật;
- Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

10.4. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng:

10.4.1. Xác định giá trị tài sản ròng:

- Ngày định giá (*ngày xác định giá trị tài sản ròng*) là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điểm 10.3.1 của Bản Cáo bạch này.
- Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ được quy định tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

10.4.2. Công bố giá trị tài sản ròng:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

XI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN , CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ THUẾ

11.1 Phân chia lợi nhuận

- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy

định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

- Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - o Phương pháp phân chia lợi nhuận (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - o Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - o Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - o Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - o Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

11.2 Chi phí hoạt động

11.2.1 Phí quản lý Quỹ

Phí quản lý Quỹ được thanh toán cho Công ty Quản lý quỹ để thực hiện hoạt động quản lý đầu tư cho Quỹ và được quy định như sau:

- Phí quản lý là không phải năm phần trăm giá trị tài sản ròng của Quỹ trong một năm ($0,5\%/NAV/năm$);
- Phí quản lý được tính toán tại các chu kỳ định giá theo công thức:

$$\text{Phí quản lý} = \frac{\text{Tỷ lệ Phí Quản lý Quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

11.2.2 Phí lưu ký, giám sát

Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát theo Hợp đồng lưu ký giám sát giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được chi tiết theo Phụ lục 5.

11.2.3 Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (*dịch vụ Đại lý chuyển nhượng*) theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan được chi tiết theo Phụ lục 5.

11.2.4 Chi phí khác

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

11.3 Thuế

- Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.
- Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Thuế áp dụng đối với Quỹ.
 - b. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư
 - o Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.
 - o Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (*năm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (*năm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (*không*

phải một phần trăm) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.

- c. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư

XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Tình hình hoạt động của Quỹ sẽ được cập nhật và công bố cho Nhà đầu tư theo các nội dung và quy định tại Phần XIV. Cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, chế độ báo cáo.

XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

13.1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Thành viên uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

13.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

13.3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

14.1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

14.1.1. Trong vòng tối đa ba (03) ngày kể từ Ngày định giá (*không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật*), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên trang

thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- 14.1.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thống kê giao dịch, số dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.
- 14.1.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
 - a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - b. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - c. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - e. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.
- 14.1.4. Các tài liệu quy định tại điểm 14.1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố các tài liệu tại mục b, c, d, e điểm 14.1.3 không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 14.1.5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

14.2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

- 14.2.1. Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
 - b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
 - d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;
- 14.2.2. Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.
- 14.2.3. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt

động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC, GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3 928 9589 Fax: (84-4) 3 9289 590
- Website: <http://www.baoviet.com.vn/fund>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM BẢN CÁO BẠCH

- Phụ lục 1: Tóm tắt một số nội dung chính tại Điều lệ Quỹ
- Phụ lục 2: Hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Phụ lục 3: Danh sách Đại lý phân phối và địa điểm giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Phụ lục 4: Sổ tay định giá
- Phụ lục 5: Biểu phí với Ngân hàng giám sát, lưu ký và tổ chức cung cấp dịch vụ

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đậu Minh Lâm

PHỤ LỤC 1: TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TẠI ĐIỀU LỆ QUỸ

Chương I: Các điều khoản chung

Chương I gồm 07 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời gian hoạt động của Quỹ, nguyên tắc tổ chức, tổng vốn huy động tối thiểu và đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ. Bên cạnh đó, Chương I cung cấp các thông tin về Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ (50.000.000.000) đồng. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.

Chương II: Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Chương II gồm 05 Điều, từ Điều 8 đến Điều 12, quy định mục tiêu, chiến lược, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ và phương pháp lựa chọn đầu tư.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.

Chiến lược đầu tư được quy định tại Điều 9, Điều lệ Quỹ

1. Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.
2. Tài sản đầu tư của Quỹ bao gồm:
 - a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - b) Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - c) Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - e) Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

Lưu ý: Việc đầu tư vào các tài sản tại Điểm e nói trên phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai tháng (12) kể từ ngày thực hiện giao dịch.

f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

3. Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Trái phiếu các loại	51 – 100%	Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.
Các tài sản được phép đầu tư khác	0 – 49%	

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.

4. Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định của pháp luật.

Hạn chế đầu tư được quy định tại Điều 10, Điều lệ Quỹ

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn chế đầu tư dưới đây:

- Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ Quỹ.
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ Quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ Quỹ;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Tổng giá trị các khoản đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
2. Trừ trường hợp quy định tại Điểm h, i, j Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 1, Điều 10, Điều lệ Quỹ do các nguyên nhân sau:
- g) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - h) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - i) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - j) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - k) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - l) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.
4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Các hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 1, Điều này sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

Phương pháp lựa chọn đầu tư được quy định tại Điều 12, Điều lệ Quỹ

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ sẽ trình danh sách và hạn mức đầu tư (nếu có) tại các ngân hàng thương mại và tổ chức có uy tín để Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư đối với Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng cho Quỹ.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính

phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương:

Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất trái phiếu, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu và tính thanh khoản.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là trái phiếu doanh nghiệp:

Việc lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp sẽ được tiến hành theo phương pháp “Bottom Up Approach” thông qua việc đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp như tiềm năng phát triển của ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; vị trí, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; cơ cấu tài sản, nguồn vốn; uy tín trong hoạt động tín dụng...

Chương III: Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư và giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chương III gồm 07 Điều, từ Điều 13 đến Điều 19, quy định các nội dung về Nhà đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư. Ngoài ra, chương III cung cấp các thông tin về giao dịch chứng chỉ Quỹ, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ, giá bán, giá mua lại, phí giao dịch chứng chỉ Quỹ và chuyển nhượng phi thương mại.

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà đầu tư là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản theo quy định pháp luật có liên quan.

Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư được quy định tại Điều 14 Điều lệ Quỹ:

1. Nhà đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
- e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

Giao dịch chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 16 Điều lệ Quỹ:

1. Nguyên tắc chung:

- a) Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải được tổ chức định kỳ.
- b) Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ không ít hơn hai (02) lần trong một tháng. Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Ngày T) và quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.
- c) Thời điểm đóng sổ lệnh là mười giờ ba mươi phút (10h30) tại ngày T – 1. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

Lưu ý: Trường hợp ngày T - 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang mười bảy giờ (17h00) của ngày làm việc gần nhất trước đó.

- d) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch.
- e) Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:
 - i. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);
 - ii. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư).

Lưu ý: Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Vốn gián tiếp" (FII) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản FII là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản FII đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

- f) Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (mua/bán/chuyển đổi/sửa/hủy lệnh) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- g) Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua được quy định tại Bản Cáo bạch. Lệnh bán hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi được quy định tại Bản Cáo bạch.
- h) Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ (số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu), toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- i) Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Nhà đầu tư đã điền đầy

đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản Cáo bạch. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm các quy định tại Điểm i, khoản 1, Điều 16, Điều lệ Quỹ.

- j) Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - ii. Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - iii. Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm;
 - iv. Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

2. Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

- a) Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch (*nếu có*);

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- b) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
- c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Phí phát hành (\%)})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

- d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- e) Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

3. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lý hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
- b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ.
- c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai (02) sau dấu phẩy.
- d) Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Phí mua lại (\%)}) - \text{Thuế, phí phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên một (01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

- e) Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- f) Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư.

Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.

- g) Thời hạn thanh toán là năm (05) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, Điều lệ Quỹ và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm h, khoản 3, Điều 16, Điều lệ Quỹ.
- i) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (h) nói trên.

4. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

5. Hủy lệnh giao dịch:

- a) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- b) Ngoài ra, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh trong các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 16, Điều lệ Quỹ

6. Hoàn trả tiền:

- a) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
- b) Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có) trừ trường hợp quy định tại Điểm c dưới đây.

- c) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh (nếu có).
- d) Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm (05) ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Chương trình đầu tư định kỳ:

- a) Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b) Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả các lệnh mua, bán từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.
2. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 17, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

NAV + Tổng giá trị lệnh mua ròng (*) – 50 tỷ đồng

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV + Tổng giá trị lệnh mua ròng (*) – 50 tỷ đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

(*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng phí phát hành

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội Nhà đầu tư.

Chuyển nhượng phi thương mại được quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ:

1. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ
 - a) Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
 - b) Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
2. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ

- a) Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - b) Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.
 - c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản.
3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ Quỹ.

Giá bán, giá mua lại, Phí giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 19, Điều lệ Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu: Mười nghìn (10.000) đồng/Chứng chỉ Quỹ.
2. Giá bán (*Giá phát hành*) một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Phí phát hành.
3. Giá mua lại một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Phí mua lại.
4. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau:
 - a) Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính phí.
 - b) Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
5. Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ

Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.

6. Phí chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
7. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
8. Đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Chương IV: Đại hội Nhà đầu tư

Chương IV gồm 05 điều, từ Điều 20 đến Điều 24, quy định các nội dung liên quan đến Đại hội Nhà đầu tư, quyền và nhiệm vụ của Nhà đầu tư, điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư, quyết định và phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ:

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Trường hợp tổ chức Đại hội Nhà đầu tư lần đầu ngay sau khi Quỹ được thành lập, Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ tại đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng theo danh sách tại hồ sơ lập quỹ gửi UBCKNN có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề quy định tại Khoản 2, Điều 20, Điều lệ Quỹ.
3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại hội;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Điều lệ Quỹ phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 21 Điều lệ Quỹ:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;
4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

Điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại diện Nhà đầu tư được quy định tại Điều 22, Điều lệ Quỹ

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.
3. Cuộc họp đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 3, Điều 22, Điều lệ Quỹ, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
5. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - a) Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản tới Nhà đầu tư.
 - c) Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
 - d) Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - e) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản từ các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc quy định tại Điểm e, Khoản 5, Điều 22, Điều lệ Quỹ.

Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 23, Điều lệ Quỹ

1. Mỗi đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:
 - a) Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
 - b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 23, Điều lệ Quỹ không ít hơn ba mươi phần trăm (30%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

4. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, Điều 21, Điều lệ Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:
 - a) Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
 - b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 23, Điều lệ Quỹ không ít hơn bốn mươi phần trăm (40%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
5. Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 22, Điều lệ Quỹ, đồng thời, số Nhà đầu tư tham dự Đại hội đại diện cho dưới năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 23. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 21 Điều lệ Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 23, Điều lệ Quỹ.
6. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi năm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
8. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 24, Điều lệ Quỹ:

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21, Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 24 đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng tại Ngày giao dịch ngay sau ngày họp Đại hội Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Phí mua lại.

Chương V: Ban Đại diện Quỹ

Chương V gồm 07 điều, từ Điều 25 đến Điều 31, quy định các nội dung liên quan đến Ban Đại diện Quỹ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, thủ tục điều hành Ban Đại diện Quỹ, đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.

1. Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập.
2. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - d) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
3. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 25, Điều lệ Quỹ, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 2, Điều 25, Điều lệ quỹ để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 27, Điều lệ Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi, các tổ chức phát hành công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; chính sách quản lý rủi ro; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.
3. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ (nếu có); mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 tại Điều 21, Điều lệ Quỹ.
5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 4 Điều 27, Điều lệ Quỹ, Ban Đại diện Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư tại trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 28, Điều lệ Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 29, Điều lệ Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 30, Điều lệ Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 31, Điều lệ Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ sáu mươi phần trăm (60%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
6. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 4, Điều 27, Điều lệ Quỹ*).
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ

Chương VI gồm 04 điều, từ Điều 32 đến Điều 35, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ, hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 33, Điều lệ Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ
 - a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;

- b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
 - e) Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
 - f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
 - g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
 - h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ Quỹ;
 - i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
 - k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
 - m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.
 - n) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.
2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ
- a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).
 - b) Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.
 - c) Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.

- d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 35, Điều lệ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.
2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Đại diện Quỹ, nhân viên công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
4. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của Quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.
5. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản hoặc loại chứng khoán nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban Đại diện Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
7. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.
8. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Chương VII: Ngân hàng Giám sát

Chương VII gồm 04 điều, từ Điều 36 đến Điều 39, cung cấp các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 37, Điều lệ Quỹ

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát
 - a) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - b) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
 - c) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;

- d) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- e) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- f) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
- g) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi UBCKNN;
- h) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- i) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- j) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- k) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- a) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- b) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
- c) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
- d) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí.
- e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương VIII gồm 05 điều, từ Điều 40 đến Điều 44, quy định về các hoạt động được ủy quyền, tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền, chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Chương IX: Đại lý phân phối, Đại lý ký danh

Chương IX gồm Điều 45 quy định về tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh.

Chương X: Kiểm toán, kế toán và Chế độ báo cáo

Chương X gồm 05 điều, từ Điều 46 đến Điều 50, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán, năm tài chính, chế độ báo cáo, báo cáo tài chính và báo cáo khác.

Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Chương XI gồm 05 điều, từ Điều 51 đến Điều 55, quy định các nội dung về việc xác định giá trị tài sản ròng, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, quy trình định giá tài sản quỹ. Ngoài ra, chương XI cung cấp thông tin về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá và đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí

Chương XII gồm Điều 56 và 57, quy định về việc phân chia lợi nhuận của Quỹ và chi phí hoạt động của Quỹ.

Phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định tại Điều 56, Điều lệ Quỹ

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật

trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Chương XIII: Tái cơ cấu Quỹ

Chương XIII gồm 03 điều, từ Điều 58 đến Điều 60, quy định các điều kiện hợp nhất, sáp nhập, các điều kiện tách Quỹ, các điều kiện giải thể Quỹ.

Chương XIV: Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương XIV bao gồm Điều 61 quy định về Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

Chương XV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chương XV bao gồm 04 điều, từ Điều 64 đến Điều 67, quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành.

Ngoài ra, Điều lệ Quỹ còn có 05 Phụ lục:

Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 4: Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư

Phụ lục số 5: Biểu phí lưu ký giám sát và phí trả cho dịch vụ ủy quyền

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

I. Mở/đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối theo công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ đăng ký mở Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ (HSDKMTK) bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư Cá nhân:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư cá nhân;
 - Bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu;
 - Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp Nhà đầu tư ủy quyền đặt lệnh giao dịch hoặc nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ;
 - Đối với Nhà đầu tư Tổ chức:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức.
 - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh (*nếu có*).
 - Bản chính Giấy uỷ quyền chỉ định Người tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại Đại lý phân phối.
 - Các loại giấy tờ khác như bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu của người được nhận uỷ quyền, người đại diện.
- Trong quá trình mở tài khoản, Nhà đầu tư có thể lựa chọn đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử như sau:
 - Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử (*tại Giấy đăng ký mở tài khoản hoặc Phiếu đăng ký nhập lệnh điện tử theo mẫu*) và ký vào thỏa thuận nhận lệnh điện tử do Đại lý phân phối cung cấp.
 - Sau khi hoàn thành các thủ tục như trên, Nhà đầu tư sẽ được cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào hệ thống nhận lệnh điện tử thông qua email đã đăng ký tại Giấy đăng ký mở tài khoản. Trình tự, thủ tục nhập lệnh điện tử sẽ được hướng dẫn chi tiết tại hệ thống nhận lệnh điện tử.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư hoàn thiện HSDKMTK và chuyển cho Đại lý phân phối.

- (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của HSDKMTK theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng quy định, Đại lý phân phối chuyển các thông tin tại HSDKMTK cho Đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.
- (3) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được HSDKMTK đầy đủ, hợp lệ, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm;
 - Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

II. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ tại đợt phát hành lần đầu:

- Thời gian thực hiện: Các ngày làm việc trong giai đoạn phát hành lần đầu theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối;
 - Số tiền đặt mua: Tối thiểu 1.000.000 đồng/lệnh mua
 - Thông tin tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát:
 - Số tài khoản:
 - Tên tài khoản:
 - Tên ngân hàng:
 - Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;
- Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so CMT]_[nop tien mua CCQ BVBF]"*
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản phong tỏa của Quỹ;

- (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử.
- (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh.
- (4) Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của UBCKNN, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

2.2 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo:

2.2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Tư hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 10h30 của Ngày T - 1;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 1.000.000 đồng/lệnh mua;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so CMT]_[nop tien mua CCQ BVBF]"

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ;
 - (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (3) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hiện hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (4) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản tiền của Quỹ. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;

(5) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)]}{\text{NAV/CCQ}}$$

(6) Nếu phát sinh các trường hợp phải hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ, thời gian hoàn trả tiền là trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch;

2.2.2 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Thời gian tham gia, Số tiền đặt mua, Kỳ nộp tiền... theo đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Nhà đầu tư;
- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so CMT]_[nop tien mua CCQ BVBF]"

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ tại Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - (2) Tùy thuộc vào Chương trình đầu tư định kỳ đã đăng ký, Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ trước thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất tương ứng;
 - (3) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

2.3 Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Tư hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 10h30 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh;
- Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh bán đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (4) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV/CCQ} \times [1 - \text{Phí mua lại(\%)}]$$

- (5) Trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch, tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được chuyển vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu của Nhà đầu tư;

2.4 Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Tư hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 10h30 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh giao dịch;
- lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*
- Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh chuyển đổi đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (4) Trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày giao dịch của quỹ mục tiêu, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Stt	Đại lý phân phối	Địa điểm phân phối
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Website: http://www.baoviet.com.vn/fund	- Trụ sở chính: <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;- Số điện thoại: (84-4) 3 928 9589
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Website: http://www.bvsc.com.vn	- Phòng giao dịch hội sở: <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;- Số điện thoại: (84-04) 3928 8080 - Phòng giao dịch Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh;- Số điện thoại: (84-8) 3 821 8564

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

- Đối với tiền gửi:

Stt	Hạng mục	Nguyên tắc định giá
1	Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng	Số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước Ngày định giá
2	Đối với tiền gửi có kỳ hạn	Bằng tiền gốc cộng lãi lũy kế theo hợp đồng tính đến ngày trước Ngày định giá

- Đối với tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ trên thị trường tiền tệ chiết khấu:

Stt	Hạng mục	Niêm yết tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK
	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ trên thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu có giao dịch: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HSX hoặc HNX</i>) - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày cuối cùng của kỳ định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Theo phương pháp Giá trị sổ sách; • Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định 	<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách; - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định;

- Đối với chứng khoán nợ và liên quan:

Stt	Hạng mục	Niêm yết tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK
1	Trái phiếu Chính phủ		
1.1	Trường hợp có giao dịch tham chiếu:	Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày Định Giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HNX</i>).	Theo phương pháp Giá trị sổ sách
1.2	Trường hợp không có giao dịch tham chiếu nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày trước Ngày định giá hoặc có lãi suất chiết khấu chênh lệch từ 30bps trở lên so với lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Theo phương pháp Giá trị sổ sách; - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; 	
2	Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương		
		<ul style="list-style-type: none"> - Nếu có giao dịch: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HSX hoặc HNX</i>). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày cuối cùng của kỳ định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Theo phương pháp Giá trị 	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách; - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định;

		sổ sách; <ul style="list-style-type: none"> Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; 	
--	--	---	--

- **Các tài sản khác được phép đầu tư nhưng chưa quy định về phương pháp định giá:**

Giá xác định theo phương pháp được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt.

PHỤ LỤC 5: BIỂU PHÍ VỚI NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, LƯU LÝ VÀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Phí Lưu ký và Giám sát:

Stt	Loại phí	Mức phí	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Phí lưu ký, giám sát				
		0,08%/NAV/Năm	Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng	
A.II Phí lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
A.III Phí lưu ký, chuyển khoản của VSD (Phí của bên thứ 3)				
A.3.1	Phí lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng		Phí lưu ký và phí chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu phí thì khoản mục phí này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Phí chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Không áp dụng/500,000 đồng/lần/mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản phí VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

- **Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:**

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức phí dịch vụ như sau:

- Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>) - Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi:	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty Quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí

6	Tiền thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối lợi tức	Miễn phí

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

- **Phí khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.